THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 592/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2016

HỎA TỐC
VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1174
ĐẾN Ngày: 12/4/16
Chuyển: MTP/Chánh Hưng
Hồ sơ.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Quốc hội số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn:

1. Vốn trái phiếu Chính phủ bố trí để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo đúng mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên vốn hỗ trợ cho:

a) Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các xã nghèo thuộc: Huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số

30a/2008/NQ-CP, các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng còn lại.

b) Tập trung đầu tư cho các xã mới đạt 5 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; chú trọng đầu tư cho các xã hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

c) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công.

3. Tiêu chí phân bổ:

a) Các xã nghèo, đặc biệt khó khăn chia thành 2 mức:

- Các xã dưới 5 tiêu chí: Hệ số 5,0;

- Các xã còn lại: Hệ số 4,0.

b) Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.

c) Các xã không thuộc đối tượng ưu tiên: Hệ số 1,0.

d) Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải chủ động dành một phần nguồn lực từ ngân sách địa phương và tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

đ) Mức bố trí vốn cụ thể của từng xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Quyết định này.

Điều 3

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng Nghị quyết số 100/2015/QH13 và số 65/2013/QH13 của Quốc hội và các quy định của Chương trình.

b) Tổng hợp các mục tiêu, nhiệm vụ phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 2016 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm các chỉ tiêu, nhiệm vụ của các

chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn trước đã được lồng ghép vào Chương trình này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì thẩm định, giao cho các địa phương thực hiện.

c) Tổng hợp báo cáo, phổ biến thông tin kết quả thực hiện Chương trình, dự án cho các cơ quan liên quan ở cấp Trung ương và địa phương.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo đúng các quy định hiện hành về quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Chủ trì tổng hợp kết quả phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 của các địa phương; phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; có ý kiến với những địa phương phân bổ vốn chưa đúng quy định (nếu có), báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Giao Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình giải ngân nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã được giao cho các địa phương.

3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc triển khai sử dụng vốn đã được phân bổ nêu trên; phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính giám sát tình hình sử dụng vốn trung ương hỗ trợ các địa phương thực hiện Chương trình, bảo đảm hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra.

4. Căn cứ kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ được giao, các nguyên tắc quy định tại Điều 2 và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án phân bổ dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2016 theo đúng tinh thần Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 và 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII, đảm bảo đúng đối tượng và mức hỗ trợ đã quy định; Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm định trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; Báo cáo kết quả phân bổ vốn thực hiện Chương trình năm 2016

gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 29 tháng 4 năm 2016.

b) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai Chương trình, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều tiết về ngân sách trung ương không thuộc đối tượng phân bổ vốn kế hoạch năm 2016 theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội chịu trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

Điều 4. Thời gian thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Các Bộ trưởng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: KGVX, KTN, V.III, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3). 250

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

PHÂN BỔ VỐN TPCP KẾ HOẠCH NĂM 2016

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tỉnh, thành phố	Kế hoạch năm 2016
1	Hà Giang	128
2	Tuyên Quang	73
3	Cao Bằng	125
4	Lạng Sơn	124
5	Lào Cai	112
6	Yên Bái	89
7	Thái Nguyên	91
8	Bắc Kạn	67
9	Phú Thọ	132
10	Bắc Giang	114
11	Hòa Bình	118
12	Sơn La	124
13	Lai Châu	75
14	Điện Biên	87
15	Hải Dương	83
16	Hưng Yên	50
17	Hà Nam	38
18	Nam Định	76
19	Ninh Bình	44
20	Thái Bình	107
21	Thanh Hóa	305
22	Nghệ An	217
23	Hà Tĩnh	138
24	Quảng Bình	80
25	Quảng Trị	59
26	Thừa Thiên Huế	60
27	Quảng Nam	133
28	Quảng Ngãi	98
29	Bình Định	64
30	Phú Yên	51
31	Ninh Thuận	23
32	Bình Thuận	44
33	Đắk Lắk	71
34	Đắk Nông	34

35	Gia Lai	107
36	Kon Tum	53
37	Lâm Đồng	62
38	Bình Phước	44
39	Tây Ninh	36
40	Long An	84
41	Tiền Giang	65
42	Bến Tre	89
43	Trà Vinh	60
44	Vĩnh Long	38
45	Hậu Giang	39
46	Sóc Trăng	64
47	An Giang	61
48	Đồng Tháp	79
49	Kiên Giang	56
50	Bạc Liêu	34
51	Cà Mau	44
	Tổng số	**4.249**